

Số: 15/QĐ-THPTHH4

Hoàng Vân, ngày 06 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công khai số liệu và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước  
Quý 4, cả năm Năm 2025 của Trường THPT Hiệp Hòa số 4

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định giao dự toán số 346/QĐ-SGDĐT ngày 30/07/2025 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh sau sắp xếp.

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2025 Về việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 703 /QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 10 năm 2025 Về việc điều chỉnh kinh phí hỗ trợ chi phí học tập các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT và điều chỉnh nội dung chi sự nghiệp chung năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 844 /QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2025 Về việc điều chỉnh kinh phí trong dự toán giao năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 845 /QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2025 Về việc phân bổ dự toán thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện chuyển về cấp tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-SGDĐT ngày 28/11/2025 Về việc giao bổ sung dự toán kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của kế toán nhà trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 4, cả năm Năm 2025 của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Tổ VP và các tổ CM
- Lưu :VT.



Nguyễn Đức Thiện

Đơn vị: Trường THPT Hiệp Hòa số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 422

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Văn, ngày 06 tháng 01 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2025**(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 4 năm 2025 như sau:

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 04/2025 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.018.715.274</b>	<b>3.409.121.274</b>	<b>68%</b>	<b>0</b>
1	Thu học phí (bao gồm cả KP cấp bù miễn giảm học phí, cấp hỗ trợ Học phí)	751.000.000	1.011.842.000	135%	
2	Thu Gửi xe	220.000.000	318.505.000	145%	
3	Thu học thêm	3.000.000.000	997.932.000	33%	
4	Cho thuê Tài sản	36.000.000	36.000.000	100%	
5	Giá Dịch vụ tuyển sinh lớp 10	83.000.000	116.127.000	140%	
6	Rèn kỹ năng làm bài	127.460.000	127.460.000	100%	
7	Tiền nước uống	74.920.000	74.920.000	100%	
8	Tiền Vệ sinh	126.600.000	126.600.000	100%	
9	Thẻ học sinh	33.250.000	33.250.000	100%	
10	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất	166.790.000	166.790.000	100%	
11	Phô tô đề kiểm tra, giấy thi, giấy nháp, phiếu trả lời trắc nghiệm	133.000.000	133.000.000	100%	
12	Tiền điện căng tin, lớp học	27.254.800	27.254.800	100%	
13	BHYT học sinh	169.164.450	169.164.450	100%	
14	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	39.414.264	39.414.264	100%	
15	Huyện hỗ trợ thi TN năm 2025	19.000.000	19.000.000	100%	
16	Nguyện vọng Đại học 2025	10.746.000	10.746.000	100%	
17	Lãi tiền gửi	1.115.760	1.115.760	100%	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu</b>	<b>5.018.715.274</b>	<b>2.880.140.050</b>	<b>57,39%</b>	<b>0</b>
1	Thu học phí (bao gồm cả KP cấp bù miễn giảm học phí, cấp hỗ trợ Học phí)	751.000.000	466.945.900	62%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 04/2025 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Thu Gửi xe	220.000.000	318.505.000	145%	
3	Thu học thêm	3.000.000.000	997.932.000	33%	
4	Cho thuê Tài sản	36.000.000	36.000.000	100%	
5	Giá Dịch vụ tuyển sinh lớp 10	83.000.000	163.185.000	197%	
6	Rèn kỹ năng làm bài	127.460.000	146.112.000	115%	
7	Tiền nước uống	74.920.000	74.920.000	100%	
8	Tiền Vệ sinh	126.600.000	125.600.000	99%	
9	Thẻ học sinh	33.250.000	33.250.000	100%	
10	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất	166.790.000	166.790.000	100%	
11	Phô tô đề kiểm tra, giấy thi, giấy nháp, phiếu trả lời trắc nghiệm	133.000.000	133.000.000	100%	
12	Tiền điện căng tin, lớp học	27.254.800	5.370.600	20%	
13	BHYT học sinh	169.164.450	169.164.450	100%	
14	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	39.414.264	13.448.600	34%	
15	Huyện hỗ trợ thi TN năm 2025	19.000.000	19.000.000	100%	
16	Nguyện vọng Đại học 2025	10.746.000	10.746.000	100%	
17	Lãi tiền gửi	1.115.760	170.500	15%	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>20.030.215.200</b>	<b>19.544.438.300</b>	<b>97,6%</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>20.030.215.200</b>	<b>19.544.438.300</b>	<b>97,6%</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>20.030.215.200</b>	<b>19.544.438.300</b>	<b>97,6%</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.038.227.700	16.576.307.800	97,3%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.991.987.500	2.968.130.500	99,2%	

Ngày 06 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



\* Nguyễn Đức Thiện

Đơn vị: Trường THPT Hiệp Hòa số 4  
Chương: 422

Biểu số 3- Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Văn, ngày 06 tháng 01 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường THPT Hiệp Hòa số 4 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

*ĐVT: đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>5.018.715.274</b>	<b>3.409.121.274</b>	<b>68%</b>	<b>0</b>
1	Thu học phí (bao gồm cả KP cấp bù miễn giảm học phí, cấp hỗ trợ Học phí)	751.000.000	1.011.842.000	135%	
2	Thu Gửi xe	220.000.000	318.505.000	145%	
3	Thu học thêm	3.000.000.000	997.932.000	33%	
4	Cho thuê Tài sản	36.000.000	36.000.000	100%	
5	Giá Dịch vụ tuyển sinh lớp 10	83.000.000	116.127.000	140%	
6	Rèn kỹ năng làm bài	127.460.000	127.460.000	100%	
7	Tiền nước uống	74.920.000	74.920.000	100%	
8	Tiền Vệ sinh	126.600.000	126.600.000	100%	
9	Thẻ học sinh	33.250.000	33.250.000	100%	
10	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất	166.790.000	166.790.000	100%	
11	Phô tô đề kiểm tra, giấy thi, giấy nháp, phiếu trả lời trắc nghiệm	133.000.000	133.000.000	100%	
12	Tiền điện căng tin, lớp học	27.254.800	27.254.800	100%	
13	BHYT học sinh	169.164.450	169.164.450	100%	
14	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	39.414.264	39.414.264	100%	
15	Huyện hỗ trợ thi TN năm 2025	19.000.000	19.000.000	100%	
16	Nguyện vọng Đại học 2025	10.746.000	10.746.000	100%	
17	Lãi tiền gửi	1.115.760	1.115.760	100%	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu</b>	<b>5.018.715.274</b>	<b>2.880.140.050</b>	<b>57,39%</b>	<b>0</b>
1	Thu học phí (bao gồm cả KP cấp bù miễn giảm học phí, cấp hỗ trợ Học phí)	751.000.000	466.945.900	62%	
2	Thu Gửi xe	220.000.000	318.505.000	145%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Thu học thêm	3.000.000.000	997.932.000	33%	
4	Cho thuê Tài sản	36.000.000	36.000.000	100%	
5	Giá Dịch vụ tuyển sinh lớp 10	83.000.000	163.185.000	197%	
6	Rèn kỹ năng làm bài	127.460.000	146.112.000	115%	
7	Tiền nước uống	74.920.000	74.920.000	100%	
8	Tiền Vệ sinh	126.600.000	125.600.000	99%	
9	Thẻ học sinh	33.250.000	33.250.000	100%	
10	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất	166.790.000	166.790.000	100%	
11	Phô tô đề kiểm tra, giấy thi, giấy nháp, phiếu trả lời trắc nghiệm	133.000.000	133.000.000	100%	
12	Tiền điện căng tin, lớp học	27.254.800	5.370.600	20%	
13	BHYT học sinh	169.164.450	169.164.450	100%	
14	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	39.414.264	13.448.600	34%	
15	Huyện hỗ trợ thi TN năm 2025	19.000.000	19.000.000	100%	
16	Nguyện vọng Đại học 2025	10.746.000	10.746.000	100%	
17	Lãi tiền gửi	1.115.760	170.500	15%	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>20.030.215.200</b>	<b>19.544.438.300</b>	<b>97,6%</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>20.030.215.200</b>	<b>19.544.438.300</b>	<b>97,6%</b>	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.030.215.200	19.544.438.300	97,6%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.038.227.700	16.576.307.800	97,3%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.991.987.500	2.968.130.500	99,2%	

Ngày 06 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Đức Thiện